|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GDĐT ĐẠI LỘC**  **TRƯỜNG TH&THCS ĐẠI TÂN**    A. **MA TRẬN** | **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I**  **NĂM HỌC 2022-2023**  **Môn: KHTN– Lớp 6**  **Thời gian: 90 phút**  *(Không kể thời gian giao đề)* |

| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | **Tổng số câu** | | **Điểm số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** |
| Chương I. Mở đầu về KHTN (17T) | 1 | 4 |  |  | 1 |  |  |  | 2 | 4 | 2,5đ |
| Chương II. Chất quanh ta (7T) | 1 | 2 |  | 1 |  |  |  |  | 1 | 3 | 1,25đ |
| Chương III. Một số vật liệu, nguyên liệu, nhiên liệu. Lương thực, thực phẩm thông dụng (8T) |  | 1 |  |  | 1 |  |  |  | 1 | 1 | 1,25đ |
| Chương IV. Hỗn hợp, tách chất ra khỏi hỗn hợp (8T) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Chương V. Tế bào  (8T) |  | 3 |  |  |  |  | 1 |  | 1 | 3 | 1,25 |
| Chương VI.Từ tế bào đến cơ thể (7T) |  | 2 | 2/3 | 1 |  |  | 1/3 |  | 1 | 3 | 2,25 |
| Chương VII. Đa dạng thế giới sống (10T) |  | 1 | 1 | 1 |  |  |  |  | 1 | 2 | 1,5 |
| Số câu | **2** | **13** | **5/3** | **3** | **2** | **0** | **4/3** | **0** | **7** | **16** | **23** |
| Điểm số | **1** | **3,25** | **2,0** | **0,75** | **2,0** | **0** | **1,0** | **0** |  |  | **10,0** |
| Tổng số điểm | **4,25 điểm** | | **2,75 điểm** | | **2,0 điểm** | | **1,0 điểm** | |  | | **10,0đ** |

**B. BẢNG ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Nội dung | Mức độ | | Yêu cầu cần đạt | Số câu hỏi | | Câu hỏi | |
| Tự luận | Trắc nghiệm | Tự luận | Trắc nghiệm |
| **I. Mở đầu** | | | | | | | |
| 1. Giới thiệu về Khoa học tự nhiên | **Nhận biết** | | – Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên.  – Trình bày được vai trò của Khoa học tự nhiên trong cuộc sống. |  |  |  |  |
| 2. Các lĩnh vực chủ yếu  của Khoa học tự nhiên | **Thông hiểu** | | – Phân biệt được các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu.  – Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống. |  |  |  |  |
| 3. Giới thiệu một số dụng cụ đo  và quy tắc an toàn trong  phòng thực hành | **Nhận biết** | | – Trình bày được cách sử dụng một số dụng cụ đo thông thường khi học tập môn Khoa học tự nhiên (các dụng cụ đo chiều dài, thể tích, ...).  – Biết cách sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học.  – Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | | – Phân biệt được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành.  – Đọc và phân biệt được các hình ảnh quy định an toàn phòng thực hành. |  |  |  |  |
| 4. Đo chiều dài | ***Nhận biết*** | | - Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo chiều dài của một vật.  - Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được chiều dài trong một số trường hợp đơn giản.  - Trình bày được được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được chiều dài trong một số trường hợp đơn giản. |  | 1 |  | C 13 |
| ***Thông hiểu*** | | - Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng. |  |  |  |  |
| ***Vận dụng*** | | - Xác định được giới hạn đo (GHĐ) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của thước.  - Dùng thước để chỉ ra một số thao tác sai khi đo chiều dài và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó.  - Đo được chiều dài của một vật bằng thước (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số). | 1 |  | C21 |  |
| ***Vận dụng cao*** | | - Thiết kế được phương án đo đường kính của ống trụ (ống nước, vòi máy nước), đường kính các trục hay các viên bi,.. |  |  |  |  |
| 5. Đo khối lượng | ***Nhận biết*** | | - Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo khối lượng của một vật.  - Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được khối lượng trong một số trường hợp đơn giản. |  | 2 |  | C 14  , C 15 |
| ***Thông hiểu*** | | - Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng.  - Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được khối lượng trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| ***Vận dụng*** | | - Xác định được giới hạn đo (GHĐ) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của cân.  - Dùng cân để chỉ ra một số thao tác sai khi đo khối lượng và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó.  - Đo được khối lượng của một vật bằng cân (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số). |  |  |  |  |
| 6. Đo thời gian | ***Nhận biết*** | | - Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo thời gian.  - Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được thời gian trong một số trường hợp đơn giản. |  | 1 |  | C16 |
| ***Thông hiểu*** | | - Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được thời gian trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| ***Vận dụng*** | | - Dùng đồng hồ để chỉ ra một số thao tác sai khi đo thời gian và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó.  - Đo được thời gian bằng đồng hồ (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số). |  |  |  |  |
| 7. Thang nhiệt độ Celsius – Đo nhiệt độ | ***Nhận biết*** | | - Phát biểu được: Nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật.  - Nêu được cách xác định nhiệt độ trong thang nhiệt độ Celsius.  - Nêu được sự nở vì nhiệt của chất lỏng được dùng làm cơ sở để đo nhiệt độ.  - Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản. | 1 |  | C22 |  |
| ***Thông hiểu*** | | - Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng.  - Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| ***Vận dụng*** | | - Xác định được giới hạn đo (GHĐ) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của mỗi loại nhiệt kế.  - Đo được nhiệt độ bằng nhiệt kế (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số). |  |  |  |  |
| ***Vận dụng cao*** | | - Thiết lập được biểu thức quy đổi nhiệt độ từ thang nhiệt độ Celsius sang thang nhiệt độ Fahrenheit, Kelvin và ngược lại. |  |  |  |  |
| 8. Đo thể tích | ***Nhận biết*** | | - Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo thể tích.  - Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được thể tích trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| ***Thông hiểu*** | | - Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được thể tích trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| ***Vận dụng*** | | - Xác định được giới hạn đo (GHĐ) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của bình chia độ.  - Dùng bình chia độ để chỉ ra một số thao tác sai khi đo thể tích và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó.  - Đo được thể tích của một lượng chất lỏng bằng bình chia độ (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số).  - Xác định được thể tích của vật rắn không thấm nước bằng bình chia độ, bình tràn (như hòn đá, đinh ốc...) |  |  |  |  |
| II. **Chất quanh ta** | | | | | | | |
| 9. Sự đa dạng của chất | | ***Nhận biết*** | - Nhận biết được chất ở quanh ta vô cùng đa dạng chúng có ở xung quanh chúng ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật sống, vật không sống |  | 1 |  | C9 |
| ***Thông hiểu*** | - Tìm được ví dụ về vật thể quanh ta, nêu ví dụ về chất có trong vật thể.  - Nêu được một số tính chất của chất (tính chất vật lí, tính chất hoá học); mỗi chất có tính chất nhất định, dựa vào tính chất ta phân biệt chất này và chất khác.  - Tìm được ví dụ về tính chất vật lý và tính chất hóa học của chất. |  |  |  |  |
| 10. Các thể của chất và sự chuyển thể | | ***Nhận biết*** | - Trình bày được một số đặc điểm cơ bản của ba thể rắn, lỏng, khí thông qua quan sát.  - Nêu được một số tính chất của chất.  - Nêu được khái niệm về sự nóng chảy, sự sôi, sự bay hơi, sự ngưng tụ, sự đông đặc.  - Trình bày được quá trình diễn ra sự chuyển thể của chất về sự nóng chảy, sự sôi, sự bay hơi, sự ngưng tụ, sự đông đặc |  | 1 |  | C11 |
| ***Thông hiểu*** | - Đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản của ba thể. |  |  |  |  |
| ***Vận dụng*** | - Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển thể của chất |  |  |  |  |
| 11. Oxygen – Không khí | | ***Nhận biết*** | - Nêu được một số tính chất của oxygen và nêu được tầm quan trọng của oxygen đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt cháy nhiên liệu.  - Nêu được thành phần của không khí.  - Trình bày được vai trò của không khí đối với tự nhiên  - Trình bày được sự ô nhiễm của không khí. | 1 |  | C19 |  |
| ***Hiểu*** | - Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí |  | 1 |  | C10 |
| ***Vận dụng*** | - Tiến hành được thí nghiệm để xác định thành phần trăm của oxygen.  Dựa vào TCVL của oxygen giải thích vai trò của oxygen |  |  |  |  |
| **III. Một số Vật liệu, nguyên liệu, nhiên liệu. Lương thực – thực phẩm thông dụng** | | | | | | | |
| 12. Một số vật liệu | | ***Nhận biết*** | |  | | --- | | - Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu (kim loại, nhựa, gỗ, cao su, gốm, thuỷ tinh,...) | |  |  |  |  |
| ***Thông hiểu*** | - Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất (tính cứng, khả năng bị ăn mòn,bị gỉ, chịu nhiệt,...) của một vật liệu. |  |  |  |  |
| ***Vận dụng*** | - Biết cách lựa chọn, phân loại sử dụng một số vật liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững.  - Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu. | 1 |  | C20 |  |
| ***Vận dụng cao*** | - Có thể học cách tái sử dụng một số vật liệu thông dụng trong gia đình |  |  |  |  |
| 13. Một số nguyên liệu | | ***Nhận biết*** | - Nhận biết được nguyên liệu tự nhiên và nguyên liệu nhân tạo, một số tính chất thông thường của một số nguyên liệu tự nhiên (đá, vôi...)  - Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nguyên liệu (Quặng, đá vôi,...) |  | 1 |  | C12 |
| ***Thông hiểu*** | - Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất của một số nguyên liệu. |  |  |  |  |
| ***Vận dụng*** | - Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số nguyên liệu.  - Nêu được cách khai thác và sử dụng một số nguyên liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững. |  |  |  |  |
| 14. Một số nhiên liệu | | ***Nhận biết*** | - Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nhiên liệu (Than, gas, xăng, dầu,...), sơ lược về an ninh năng lượng.  - Nêu được cách sử dụng một số nhiên liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững. |  |  |  |  |
| ***Thông hiểu*** | - Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất của một số nhiên liệu. |  |  |  |  |
| ***Vận dụng*** | - Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số nhiên liệu. |  |  |  |  |
| 15. Một số lương thực, thực phẩm | | ***Nhận biết*** | - Hiểu và phân biệt được các nhóm lương thực, thực phẩm, vai trò cung cấp chất dinh dưỡng của từng nhóm thức ăn.  - Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số loại lương thực, thựcphẩm. |  |  |  |  |
| ***Thông hiểu*** | - Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số thành phần và tính chất của một số lương thực, thực phẩm.  - Hiểu được tác hại của một số đồ ăn nhanh, ăn quá nhiều mà ít hoạt động sẽ dẫn đến cơ thể không cân đối, sức khỏe không tốt. |  |  |  |  |
| ***Vận dụng*** | - Thu thập số liệu, thảo luận, so sánh để rút ra tính chất của một số lương thực, thực phẩm. |  |  |  |  |
| ***Vận dụng cao*** | - Biết cách sử dụng các loại thực phẩm để có cơ thể khỏe mạnh, đủ năng lượng để học tập và vui chơi. |  |  |  |  |
| **IV. Hỗn hợp. Tách chất ra khỏi hỗn hợp** | | | | | | | |
| 16. Hỗn hợp các chất | | ***Nhận biết*** | - Nêu được khái niệm chất tinh khiết, hỗn hợp  - Nhận ra được một số khí cũng có thể hòa tan trong nước để tạo thành một dung dịch; các chất rắn cũng có thể hòa tan và không tan trong nước.  - Nêu được các yếu tố ảnh hưởng đến chất rắn hòa tan trong nước |  |  |  |  |
| ***Thông hiểu*** | - Phân biệt được hỗn hợp đồng nhất và hỗn hợp không đồng nhất, dung dịch huyền phù, nhũ tương qua quan sát. |  |  |  |  |
| ***Vận dụng*** | - Thực hiện được thí nghiệm để biết dung môi, dung dịch là gì; phân biệt được dung môi và dung dịch.  - Quan sát một số hiện tượng trong thực tế để phân biệt được dung dịch với huyền phù, nhũ tương. |  |  |  |  |
| 17. Tách chất khỏi hỗn hợp | | ***Nhận biết*** | - Trình bày được một số cách đơn giản để tách chất ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các cách tách đó..  - Chỉ ra được mối liên hệ tính chất vật lí của một số chất thông với phương pháp tách chúng ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các chất trong thực tiễn |  |  |  |  |
| ***Thông hiểu*** | - Phân biệt được các chất có trong hỗn hợp có sự khác nhau về tính chất, biết dựa trên sự khác nhau đó để tách chất ra khỏi hỗn hợp. |  |  |  |  |
| ***Vận dụng*** | - Sử dụng được một số dụng cụ, thiết bị cơ bản để tách chất ra khỏi hỗn hợp bằng cách lọc, cô cạn, chiết. |  |  |  |  |
| **V. Tế bào** | | | | | | | |
| 18.Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống. | | ***Nhận biết*** | - Nêu được khái niệm tế bào, chức năng của tế bào.  - Nêu được hình dạng và kích thước của một số loại tế bào.  - Nhận biết được tế bào là đơn vị cấu trúc của sự sống |  | 1 |  | C2 |
| ***Thông hiểu*** | - Giải thích được vì sao tế bào là đơn vị cấu trúc của sự sống. |  |  |  |  |
| ***Vận dụng*** | Thực hành quan sát tế bào lớn bằng mắt thường và tế bào nhỏ dưới kính lúp và kính hiển vi quang học. |  |  |  |  |
| 19. Cấu tạo và chức năng các thành phần của tế bào | | ***Nhận biết*** | - Trình bày được cấu tạo tế bào và chức năng mỗi thành phần (ba thành phần chính: màng tế bào, chất tế bào, nhân tế bào). |  | 1 |  | C4 |
| ***Thông hiểu*** | - Phân biệt được tế bào động vật, tế bào thực vật;  - Phân biệt được tế bào nhân thực, tế bào nhân sơ thông qua quan sát hình ảnh. |  |  |  |  |
| ***Vận dụng cao*** | - Vận dụng để giải thích được màu xanh là do đâu? (lục lạp là bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở cây xanh). | 1 |  | C18 |  |
| 20. Sự lớn lên và sinh sản của tế bào | | ***Nhận biết*** | - Nêu được cơ chế giúp tế bào lớn lên  - Chỉ ra được mối quan hệ giữa sự lớn lên và sinh sản của tế bào. |  | 1 |  | C5 |
| ***Thông hiểu*** | - Dựa vào sơ đồ, nhận biết được sự lớn lên và sinh sản của tế bào (từ 1 tế bào → 2 tế bào → 4 tế bào... → n tế bào).  - Hiểu và nêu được ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào. |  |  |  |  |
| ***Vận dụng*** | - Vận dụng được ý nghĩa đó vào việc có một chế độ dinh dưỡng hợp lý để có được chiều cao tối ưu. |  |  |  |  |
| **VI. Từ tế bào đến cơ thể** | | | | | | | |
| 21. Cơ thể sinh vật | | ***Nhận biết*** | - Nêu được khái niệm cơ thể. Lấy được các ví dụ minh hoạ |  | 1 |  | C6 |
| ***Thông hiểu*** | - Nhận biết được cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào thông qua hình ảnh. Lấy được ví dụ minh hoạ (cơ thể đơn bào: vi khuẩn, tảo đơn bào, ...; cơ thể đa bào: thực vật, động vật,...). |  |  |  |  |
| ***Vận dụng*** | - Vận dụng để phân biệt được vật sống và vật không sống: cho ví dụ. |  |  |  |  |
| 22. Tổ chức cơ thể đa bào | | ***Nhận biết*** | - Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên mô, cơ quan, hệ cơ và cơ thể (từ tế bào đến mô, từ mô đến cơ quan, từ cơ quan đến hệ cơ quan, từ hệ cơ quan đến cơ thể).  - Kể và nêu được các khái niệm mô, cơ quan, hệ cơ quan. |  | 1 |  | C8 |
| ***Thông hiểu*** | - Lấy được các ví dụ minh hoạ về mô, cơ quan, hệ cơ quan. | 2 | 1 | C23a, C23b | C7 |
| ***Vận dụng cao*** | - Hiểu và vận dụng để giải thích được vì sao khi một cơ quan trong cơ thể bị bệnh thì cả cơ thể đều bị ảnh hưởng.  - Đề xuất các biện pháp để có cơ thể khỏe mạnh |  | 1 | C23c |  |
| **VII. Đa dạng thế giới sống** | | | | | | | |
| 33. Hệ thống phân loại sinh vật | | ***Nhận biết*** | - Nêu được khái niệm và sự cần thiết của việc phân loại thế giới sống.  ­- Nêu được hai cách gọi tên sinh vật: tên địa phương và tên khoa học.  - Nhận biết được 5 giới sinh vật. |  | 1 |  | C3 |
| ***Thông hiểu*** | - Phân biệt được các đơn vị phân loại sinh vật .  - Lấy được ví dụ minh hoạ cho mỗi giới sinh vật.  - Lấy được ví dụ chứng minh thế giới sống đa dạng về số lượng loài và đa dạng về môi trường sống. |  | 1 |  | C1 |
| 34. Khóa lưỡng phân | | ***Thông hiểu*** | - Hiểu và trình bày được nguyên tắc xây dựng khoá lưỡng phân. |  |  |  |  |
| ***Vận dụng*** | - Thông qua ví dụ nhận biết được cách xây dựng khóa lưỡng phân.  - Thực hành xây dựng được khoá lưỡng phân với đối tượng sinh vật.  - Thực hành xây dựng được khoá lưỡng phân với đối tượng sinh vật. |  |  |  |  |
| 35. Vi khuẩn | | ***Nhận biết*** | - Nêu được khái niệm vi khuẩn.  - Nêu được một số bệnh do vi khuẩn gây ra. |  |  |  |  |
| ***Thông hiểu*** | - Mô tả được hình dạng của vi khuẩn và kể tên các môi trường sống để nhận ra được sự đa dạng của vi khuẩn.  - Mô tả cấu tạo đơn giản của vi khuẩn. | 1 |  | C17 |  |
| ***Vận dụng cao*** | - Vận dụng được hiểu biết về vi khuẩn vào giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn |  |  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHÒNG GDĐT ĐẠI LỘC**  **TRƯỜNG TH&THCS ĐẠI TÂN**    ĐỀ CHÍNH THỨC  *(Đề gồm có 03 trang)* | **KIỂM TRA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022-2023**  **Môn: KHTN – Lớp 6**  **Thời gian: 90 phút**  *(Không kể thời gian giao đề)*   |  | | --- | | **MÃ ĐỀ: A** | |

**I- TRẮC NGHIỆM:(4đ)**

**Câu 1. Cấu tạo tế bào nhân thực, cơ thể đa bào, có khả năng quang hợp là đặc điểm của sinh vật thuộc giới nào sau đây?**

**A.** Thực vật **B.** Nguyên sinh. **C.** Nấm. **D.** Động vật.

**Câu 2. Đơn vị cấu tạo nên cơ thể sống gọi là gì?**

**A.** Mô                   **B.** Tế bào              **C.** Biểu bì                       **D.** Bào quan

**Câu 3. Các nhà khoa học đã phân loại sinh vật thành các đơn vị phân loại khác nhau từ lớn đến nhỏ, lần lượt là:**

**A.** Loài → Chi (giống) → Bộ → Họ → Lớp → Ngành → Giới.

**B.** Chi (giống) → Loài → Họ → Bộ → Lớp → Ngành → Giới.

**C.** Giới → Ngành → Lớp → Bộ → Họ → Chi (giống) → Loài.

**D.** Loài → Chi (giống) → Họ → Bộ → Lớp → Ngành → Giới.

**Câu 4. Nhân/vùng nhân của tế bào có chức năng gì?**

**A.** Tham gia trao đổi chất với môi trường.

**B.** Là trung tâm điều khiển mọi hoạt động của tế bào.

**C.** Là nơi diễn ra các hoạt động sống của tế bào.

**D.** Là nơi tạo ra năng lượng cung cấp cho mọi hoạt động của tế bào.

# Câu 5. Khi tế bào lớn lên đến một kích thước nhất định sẽ tiến hành quá trình nào?

# A. Sinh trưởng B. Sinh sản C. Thay thế D. Chết

# Câu 6. Cơ thể sinh vật có khả năng thực hiện các quá trình sống cơ bản nào?

# (*1) Cảm ứng và vận động                   (4) Hô hấp*

# *(2) Sinh trưởng                                   (5) Bài tiết*

# *(3) Dinh dưỡng                                   (6) Sinh sản*

# A. (2), (3), (4), (6)                     B. (1), (3), (5), (6)

# C. (2), (3), (4), (5), (6)               D. (1), (2), (3), (4), (5), (6)

**Câu 7. Đặc điểm đối lập của con chim gõ kiến và con chim đà điểu là?**

**A.** Có lông vũ và không có lông vũ                **B.** Có mỏ và không có mỏ

**C.** Có cánh và không có cánh                       **D.** Biết bay và không biết bay

**Câu 8. Tập hợp các mô cùng thực hiện một hoạt động sống nhất định tạo thành:**

**A.** Tế bào. **B.** Mô **C.** Cơ quan. **D.** Hệ cơ quan.

**Câu 9.Vật nào dưới đây gọi là vật sống?**

**A.** Cái bàn. **B.** Sư tử. **C.** Bánh mì**. D.** Hộp bút.

**Câu 10. Khi lặn xuống sâu dưới nước, thợ lặn phải dùng bình dưỡng khí là vì:**

**A.** ở sâu dưới nước, oxygen tan nhiều trong nước, thợ lặn không thể hô hấp được nên phải dùng thêm bình dưỡng khí.

**B.** oxygen ít tan trong nước nên thợ lặn phải dùng bình dưỡng khí nhằm cung cấp đủ khí oxygen để hô hấp.

**C.** oxygen không tan trong nước nên thợ lặn phải dùng bình dưỡng khí nhằm cung cấp vừa đủ khí oxygen để hô hấp.

**D.** ở sâu dưới nước không có oxygen, thợ lặn không thể hô hấp được nên phải dùng thêm bình dưỡng khí.

**Câu 11. Quá trình chất biển đổi từ thể rắn sang thể lỏng được gọi là gì?**

**A.** Sự đông đặc. **B.** Sự sôi **C.** Sự ngưng tụ. **D.** Sự nóng chảy.

**Câu 12**. **Khi khai thác quặng sắt, ý nào sau đây không đúng?**

1. Khai thác tiết kiệm nguồn quặng có hạn.
2. Tránh làm ô nhiễm môi trường
3. Nên sử dụng các phương pháp khai thác thủ công.
4. Chế biến quặng thành sản phẩm có giá trị để nâng cao hiệu quả kinh tế.

**Câu 13:** **Trong Hệ đơn vị đo lường hợp pháp ở nước ta, đơn vị đo chiều dài là:**

**A.** ki-lô-mét(km) **B.** mét(m) **C.** mi-li-met(mm) **D.** đề-xi-mét(dm)

**Câu 14.** **Dụng cụ đo khối lượng là:**

**A.** Bình chia độ. **B.** Cân **C.** Thước. **D.** Nhiệt kế.

**Câu 15.** **Vì sao ta cần phải ước lượng khối lượng trước khi cân?**

**A.** Để chọn cân phù hợp. **B.** Để biết khối lượng vật cần cân.

**C.** Để có thể cân khối lượng lớn hơn. **D.** Để cân được nhiều vật.

**Câu 16. Để xác định thành tích của một vận động viên chạy 200m, người ta phải sử dụng loại đồng hồ nào sau đây:**

**A.** Đồng hồ quả lắc **B.** Đồng hồ treo tường

**C.** Đồng hồ để bàn **D.** Đồng hồ bấm giây

**II. PHẦN TỰ LUẬN: (6,0đ)**

**Câu 17:** Trình bày cấu tạo của tế bào vi khuẩn? (1,0đ)

**Câu 18.** Vì sao lá cây có màu xanh lục? (0,5đ)

**Câu 19**. Hãy nêu nguyên nhân gây ô nhiễm không khí? **(**0,5 đ)

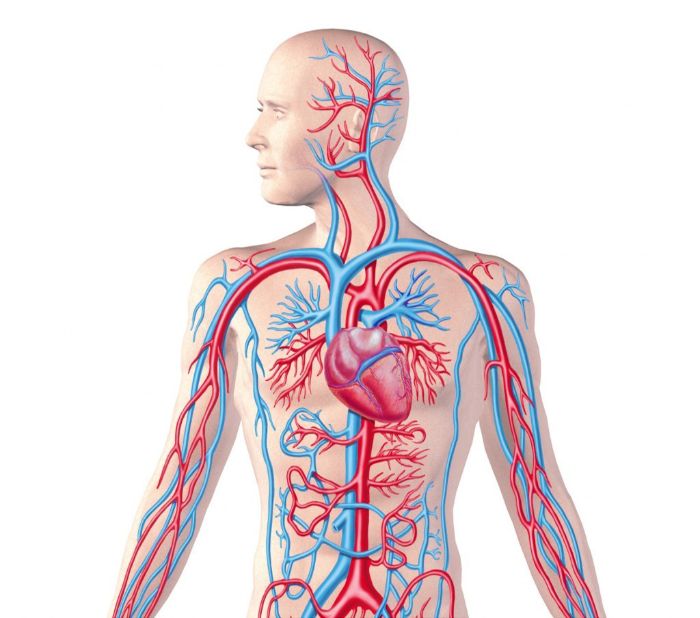
**Câu 20:** Trong các vật liệu sau: Nhựa, gỗ, thuỷ tinh, kim loại. Người ta dùng vật liệu nào để làm xoong nồi nấu thức ăn? Giải thích? (1đ)

C:\Users\Administrator\Desktop\Capture.PNG**Câu 21.** Hãy cho biết GHĐ và ĐCNN của thước kẻ trong hình sau: 1,0đ

**Câu 22.** Nhiệt kế bên dưới chỉ bao nhiêu độ C? (0,5đ)

**Câu 23.** Quan sát hình bên dưới và cho biết:

1. Hệ tuần hoàn có những cơ quan nào? (0,5đ)
2. Trình bày chứ năng của hệ tuần hoàn đối với cơ thể. (0,5đ)
3. Đề xuất các biện pháp chăm sóc và bảo vệ các cơ quan để có một cơ thể khỏe mạnh. (0,5đ)



Hệ tuần hoàn

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHÒNG GDĐT ĐẠI LỘC**  **TRƯỜNG TH&THCS ĐẠI TÂN**  ĐỀ CHÍNH THỨC | **ĐÁP ÁN KIỂM TRA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022-2023**  **Môn: KHTN – Lớp 6**  **Thời gian: 90 phút**   |  | | --- | | **MÃ ĐỀ: A** | |

**I- PHẦN TRẮC NGHIỆM: (4,0đ)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** |
| Đáp án | A | B | C | B | B | D | D | C | B | B | D | C | B | B | A | D |

**II- PHẦN TRẮC NGHIỆM: (6,0đ)**

**Câu 17:** Cấu tạo của tế bào vi khuẩn:

- Vi khuẩn là những cơ thể đơn bào, nhân sơ. (0,5đ)

- Gồm:

+ Thành tế bào, màng tế bào, tế bào chất và vùng nhân. (0,25đ)

+ Ngòai ra, một số vi khuẩn còn có: lông và roi. (0,25đ)

**Câu 18:** (0,5đ)

- Lá cây có màu xanh là do trong lá cây có bào quan lục lạp chứa các chất diệp lục.

**Câu 19:** Khói bụi, khí thải từ phương tiện giao thông, rác thải, cháy rừng….. 0,5đ

**Câu 20:** Người ta dùng kim loại để làm xoong nồi nấu thức ăn. (0,5đ)

Vì đồ dùng để nấu thức ăn phải có tính dẫn nhiệt tốt mà trong các vật liệu trên thì vật liệu bằng kim loại là dẫn nhiệt tốt nhất (0,5đ)

**Câu 21:**

- GHĐ: 10cm (0, 5đ)

- ĐCNN: 1mm (0,5đ)

**Câu 22:** Số chỉ của nhiệt kế: 38,1oC (0,5đ)

**Câu 23.**

**a.** Hệ tuần hoàn gồm có tim, máu và hệ mạch (động mạch, tĩnh mạch và mao mạch). (0,5đ)

**b.** Chức năng của hệ tuần hoàn: Vận chuyển các chất dinh dưỡng và khí O2 đến các tế bào và mô trong cơ thể đồng thời vận chuyển các chất thải và khí CO2  đến các cơ quan bài tiết. (0,5đ)

c. Cách chăm sóc và bảo vệ cơ thể: (0,5đ)

- Có chế độ ăn uống, nghỉ ngơi, tập luyện hợp lí để đảm bảo tất cả các cơ quan, hệ cơ quan trong cơ thể đều khỏe mạnh, tạo tiền đề cho cơ thể phát triển khỏe mạnh.

- Bảo vệ, tránh tổn thương cho các cơ quan, hệ cơ quan.

- Khám sức khỏe định kì 6 tháng/ 1 lần